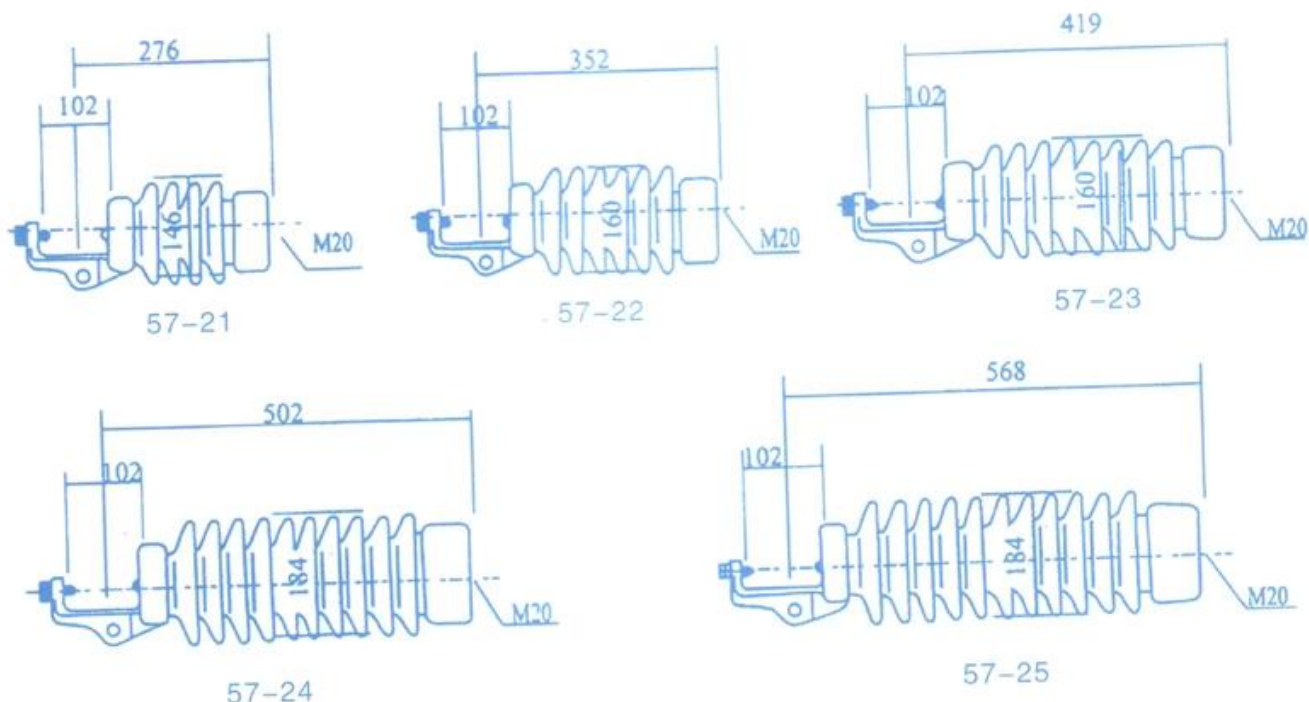




ANSI Lớp học			57 -21	57-22	57-23	57-24	57-25
Rò rỉ khoảng cách / mm			356	559	737	1015	1145
Khô arcing khoảng cách / mm			165	241	311	368	438
Cantilever sức mạnh / kN			12.5	12.5	12.5	12.5	12.5
Trung bình cộng điện áp chóp	Tần số thấp	Khô / kV	80	110	125	150	175
		Ướt / kV	70	100	115	135	160
	Quan trọng xung	Tích cực/ kV	130	180	210	255	290
		Tiêu cực/ kV	155	205	260	340	380
Ảnh hưởng của đài ngày điện áp	Kiểm tra điện áp đến Ground / kV		15	22	30	44	44
	Tối đa RIV ở 1.000kc / μV		100	100	200	200	200
Mạng lưới trọng lượng mỗi approx./kg			7,5	10.5	12,7	16,8	9,5
Con số trong gói tiêu chuẩn			6	3	3	2	2